

Bản án số: 97/2023/DS-ST
Ngày: 21-04-2023
*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thành Trại;

Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư, là Thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 13/02/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-DS ngày 07/04/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Bé T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp TP2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Thu D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: số 67, Ấp TP2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; Chị L, Chị D vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 13/02/2023 của nguyên đơn là chị Đinh Thị Bé T trình bày: Vào ngày 10/10/2021 chị Nguyễn Thị L có mở 03 dây hụi 1.000.000 đồng/ tháng, mỗi một dây có 30 phần. Chị T tham gia 02 dây hụi (dây hụi số 01 và dây số 02) mỗi dây 01 phần, đóng được 17 kỳ mỗi kỳ đóng là 850.000 đồng, chị chưa hốt hụi. Sau đó thì bẻ hụi nên chị ngưng không đóng nữa; Ngày 20/12/2021 Chị L có mở thêm 03 dây hụi 2.000.000 đồng/1 tháng, mỗi dây có tổng cộng 27 phần. Chị T tham gia dây hụi số 01 và số 03, mỗi dây 01 phần và chị đóng được 17 kỳ, mỗi kỳ là 1.700.000 đồng. Sau đó thì ngưng không đóng nữa do Chị L bẻ hụi. Các phần hụi này chị chưa có hốt; Ngày 05/05/2022 Chị L có mượn số tiền 150.000.000 đồng và trả lãi được 02 lần mỗi lần là 7.500.000 đồng, sau đó thì ngưng không trả lãi và vốn nữa. Nay chị yêu cầu Toà án buộc chị Nguyễn Thị L trả cho chị tổng số tiền 252.000.000 đồng, trong đó tiền mượn là 150.000.000 đồng và tiền hụi 102.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị Bé Thảo trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau, Chị T có tham gia các dây hụi do chị Nguyễn Thị L làm chủ hụi cụ thể như sau:

1. Vào ngày 10/10/2021 âm lịch, Chị L mở tổng cộng 03 dây hụi 1.000.000 đồng nữa tháng và mãn vào ngày 10/01/2023 âm lịch, mỗi dây hụi có 30 phần. Chị T tham gia dây hụi số 1 và dây hụi số 2, mỗi dây 1 phần. Trong danh sách hụi ghi tên là Thảo (dưa) và chưa có hốt hụi. Mỗi dây hụi Chị T đóng được 17 kỳ, mỗi kỳ đóng là 750.000 đồng. Đến kỳ thứ 18 thì Chị L tuyên bố bẻ hụi và bỏ đi. Nay Chị T yêu cầu Chị L trả lại cho chị tiền vốn gốc đã đóng là 17 kỳ x 2 phần (02 dây, mỗi dây 01 phần) x 750.000 đồng, thành tiền là 25.500.000 đồng.

2. Ngày 20/12/2021 âm lịch, Chị L mở tổng cộng 03 dây hụi 2.000.000 đồng/ 1 tháng và mãn vào ngày 20/03/2023 âm lịch, mỗi một dây hụi là 27 phần. Chị T tham gia dây hụi số 1 và dây hụi số 3, mỗi dây là 1 phần. Trong danh sách hụi ghi tên là Thảo (dưa), cả hai phần hụi chưa có hốt. Chị T đóng được 17 kỳ, mỗi kỳ đóng là 1.500.000 đồng. Đến kỳ thứ 18 thì Chị L tuyên bố bẻ hụi và bỏ đi. Nay chị yêu cầu Chị L trả lại cho chị số tiền vốn gốc đã đóng là: 17 kỳ x 2 phần (02 dây, mỗi dây 01 phần) x 1.500.000 đồng, thành tiền là 51.000.000 đồng.

Trong các dây hụi trên Chị T không yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả vốn gốc số tiền hụi đã đóng, tổng cộng là 25.500.000 đồng + 51.000.000 đồng = 76.500.000 đồng.

3. Về số tiền vay: Vào ngày 06/05/2022 dương lịch, Chị T có cho Chị L vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần thì sẽ thông báo cho hay để trả lại, do chỗ quen biết nên không có yêu cầu Chị L viết biên nhận nợ. Về lãi suất Chị L xin trả lãi mỗi tháng bạc 5 phân và trả được 2 tháng tiền lãi là 15.000.000 đồng (từ tháng 6 đến tháng 7/ 2022 mỗi tháng là 7.500.000 đồng) số tiền lãi này chị có nhận. Đến tháng 8 năm 2022 Chị L ngưng trả lãi và cũng không trả vốn gốc. Sau đó Chị T đến nhà Chị L nhiều lần để thông báo yêu cầu trả lại số tiền trên nhưng Chị L cố tình tránh mặt. Nay chị đồng ý cản trừ số tiền lãi đã nhận là 15.000.000 đồng vào

số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng, do đó chỉ yêu cầu Chị L trả số tiền vay còn lại là 135.000.000 đồng.

Như vậy, và tiền vay là 135.000.000 đồng và tiền hụi là 76.500.000 đồng, tổng cộng là 211.500.000 đồng. Yêu cầu Chị L trả số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 19/04/2023 bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị T có tham gia các dây hụi do chị làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng/1 tháng, Chị T tham gia 02 phần và đóng được 17 kỳ hụi sống, sau đó thì ngưng hụi: 17 kỳ x 2 phần x 750.000 đồng = 25.500.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng/1 tháng, Chị T tham gia 02 phần và đóng được 17 kỳ hụi sống, sau đó thì ngưng hụi: 17 kỳ x 2 phần x 1.500.000 đồng = 51.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn gốc của các dây hụi Chị T đã đóng là 25.500.000 đồng + 51.000.000 đồng = 76.500.000 đồng.

Về tiền mượn: Chị L thừa nhận có mượn của Chị T 150.000.000 đồng, nay chị đồng ý trả lại số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng cho Chị T.

Như vậy tiền hụi và tiền mượn còn nợ lại Chị T là 150.000.000 đồng + 76.500.000 đồng = 226.500.000 đồng. Nay chị đồng ý trả số tiền trên cho Chị T nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả đủ số nợ trên.

* Tại bản tự khai ngày 28/02/2023 của chị Nguyễn Thị Thu D là người làm chứng trình bày: Chị là em dâu của chị Đinh Thị Bé T. Vào ngày 05/05/2020 chị qua nhà của Chị T và có thấy Chị T đưa tiền cho chị Nguyễn Thị L nhưng không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu và họ nói chuyện gì với nhau chị cũng không biết. Sau khi Chị L về Chị T nói cho chị biết là cho Chị L mượn số tiền 150.000.000 đồng, lúc đó là khoảng trưa 12 giờ. Ngoài ra chị không biết gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bé T là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Chị T tiền hụi 76.500.000 đồng và số tiền vay còn nợ lại là 135.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 211.500.000 đồng thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” được quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền nợ hụi, tại phiên tòa Chị T không yêu cầu Chị L trả tiền lãi của các phần hụi, chỉ yêu cầu trả vốn gốc tiền hụi đã đóng tổng cộng là 76.500.000 đồng. Đồng thời tại bản tự khai ngày 19/4/2023 của chị Nguyễn Thị L đồng ý trả số tiền vốn gốc các phần hụi cho Chị T là 76.500.000 đồng. Xét thấy các bên thống nhất được với nhau về số tiền nợ hụi là 76.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tiền vay, Chị T và Chị L thống nhất số tiền vay là 150.000.000 đồng. Chị T đồng ý cần trừ số tiền lãi đã nhận là 15.000.000 đồng vào số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng. Và yêu cầu Chị L trả số tiền vay còn nợ lại là 135.000.000 đồng. Xét thấy việc Chị T tự nguyện cần trừ tiền lãi đã nhận vào số tiền vốn gốc là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội và điều này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó việc Chị T yêu cầu Chị L trả hai khoản nợ tổng cộng là 211.500.000 đồng, trong đó tiền hụi là 76.500.000 đồng và tiền vay là 135.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền hụi tổng cộng là 211.500.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại bản tự khai ngày 19/4/2023 Chị L xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi trả đủ số nợ trên. Xét thấy yêu cầu trả nợ của Chị L là không có cơ sở, bởi lẽ Chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó cần phải buộc Chị L phải trả số tiền 211.500.000 đồng cho Chị T khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (211.500.000 đồng x 5%) là 10.575.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đinh Thị Bé T.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đinh Thị Bé T tiền hụi là 76.500.000 đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền vay còn lại là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng hai khoản là 211.500.000 đồng (Hai trăm mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 10.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Đinh Thị Bé T 6.300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021423 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm